PHÒNG GD& ĐT MƯỜNG CHÀ

TRƯỜNG PTDTBT- THCS SA LÔNG

Biểu mẫu 09

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	**Lớp 7**	**Lớp 8**	**Lớp 9**
I	**Điều kiện tuyển sinh**	Xét tuyển đối với học sinh trong độ tuổi đã hoàn thành chương trình tiểu học.	Học sinh hoàn thành chương trình lớp 6 trong độ tuổi có phẩm chất và năng lực được xếp loại từ đạt trở lên (tính cả sau khi thi lại) trong độ tuổi	Học sinh học hết chương trình lớp 7 trong độ tuổi có phẩm chất và năng lực được xếp loại từ đạt trở lên (tính cả sau khi thi lại)	Học sinh học hết chương trình lớp 8 trong độ tuổi phẩm chất và năng lực được xếp loại từ đạt trở lên (tính cả sau khi thi lại)
II	**Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện**	Theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ giáo dục ban hành. Học theo chương trình GDPT 2018	Theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ giáo dục ban hành. Học theo chương trình GDPT 2018	Theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ giáo dục ban hành. Học theo mô hình trường học mới	Theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ giáo dục ban hành. Học theo mô hình trường học mới
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh**	• **Gia đình:** Có trách nhiệm đôn đốc , nhắc nhở các con em mình tham gia học tập đầy đủ. Có ý thức học bài và làm bài ở nhà. Gia đình tạo điều kiện mua vở viết, SGK, đồ dùng học tập cho các em. Tham gia họp phụ huynh 3 lần/ năm học để biết kế hoạch của nhà trường và tình hình học tập của con em mình. *** Học sinh:** Phải có tinh thần thái độ học tập	• **Gia đình:** Có trách nhiệm đôn đốc , nhắc nhở các con em mình tham gia học tập đầy đủ. Có ý thức học bài và làm bài ở nhà. Gia đình tạo điều kiện mua vở viết, SGK, đồ dùng học tập cho các em. Tham gia họp phụ huynh 3 lần/ năm học để biết kế hoạch của nhà trường và tình hình học tập của con em mình. *** Học sinh:** Phải có tinh thần thái độ học	• **Gia đình:** Có trách nhiệm đôn đốc , nhắc nhở các con em mình tham gia học tập đầy đủ. Có ý thức học bài và làm bài ở nhà. Gia đình tạo điều kiện mua vở viết, SGK,đồ dùng học tập cho các em. Tham gia họp phụ huynh 3 lần/ năm học để biết kế hoạch của nhà trường và tình hình học tập của con em mình. *** Học sinh:** Phải có tinh thần thái độ học tập đúng đắn, không	• **Gia đình:** Có trách nhiệm đôn đốc , nhắc nhở các con em mình tham gia học tập đầy đủ. Có ý thức học bài và làm bài ở nhà. Gia đình tạo điều kiện mua vở viết, SGK,đồ dùng học tập cho các em, giành nhiều thời gian để các em học ở nhà. Phối hợp cùng nhà trường định hương phân luồng sau THCS. Tham gia họp phụ huynh 3 lần/ năm học để biết kế hoạch của nhà trường và tình

		đúng đắn, không gian lận trong học tập kiểm tra và thi cử. Thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và nhiệm vụ của người học sinh.	tập đúng đắn, không gian lận trong học tập kiểm tra và thi cử. Thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và nhiệm vụ của người học sinh.	gian lận trong học tập kiểm tra và thi cử. Thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và nhiệm vụ của người học sinh.	hình học tập của con em mình. *** Học sinh:** Phải có tinh thần thái độ học tập đúng đắn, không gian lận trong học tập kiểm tra và thi cử. Thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và nhiệm vụ của người học sinh.
IV	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề các tháng, kết hợp với rèn kỹ năng sống cho học sinh 3 tiết/tuần. Lao động dọn vệ sinh tu sửa hàng rào, chăm sóc bồn hoa cây cảnh 01 buổi / tuần. Phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh khá, giỏi 04 buổi/ tuần.	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề các tháng, kết hợp với rèn kỹ năng sống cho học sinh 3 tiết/tuần. Lao động dọn vệ sinh tu sửa hàng rào, chăm sóc bồn hoa cây canh 01 buổi / tuần. Phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh khá, giỏi 04 buổi/ tuần.	Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ đề các tháng, kết hợp với rèn kỹ năng sống cho học sinh 2 tiết/ tháng. Lao động dọn vệ sinh tu sửa hàng rào, chăm sóc bồn hoa cây cảnh 01 buổi / tuần. Phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh khá, giỏi 04 buổi/ tuần.	Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ đề các tháng, kết hợp với rèn kỹ năng sống cho học sinh 2 tiết/ tháng. Tổ chức học hướng nghiệp cho học sinh 1 tiết/ tháng để tư vấn nghề nghiệp và phân luồng sau THCS. Lao động dọn vệ sinh tu sửa hàng rào, chăm sóc bồn hoa cây cảnh 01 buổi / tuần. Phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh khá, giỏi 04 buổi/ tuần.
V	**Kết quả năng lực phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được**	Học sinh có đủ sức khỏe để học tập. 100% học sinh có phẩm chất đạt trở lên. ***Xếp loại học tập:** Tốt: 5/104 (4,8%); Khá: 40/104(38,5%);	Học sinh có đủ sức khỏe để học tập. 100% học sinh có phẩm chất đạt trở lên. ***Xếp loại học tập:** Tốt: 5/55 (9%); Khá: 21/55(38,2%); Đạt: 27/55	Học sinh có đủ sức khỏe để học tập. 100% học sinh có phẩm chất đạt trở lên. ***Năng lực:** Tốt: 5/67 (7,4%) Đạt: 62/67 (92,9), Cần cố gắng: 1/67 (1,5%)	Học sinh có đủ sức khỏe để học tập. 100% học sinh có phẩm chất đạt trở lên. ***Năng lực:** Tốt: 4/65 (6,1%) Đạt: 60/65 (92,4); Cần cố gắng: 1/65 (1,5%)

		Đạt: 56/104 (53,8%); Chưa đạt: 3/104 (2,9%) *** Xếp loại rèn luyện:** Tốt: 74/104 (71,1%); Khá: 27/5104(26%); Đạt: 3/104 (2,9%)	(49,2%); Chưa đạt: 2/55 (3,6%) *** Xếp loại rèn luyện:** Tốt: 41/55 (74,5%); Khá: 12/55 (21,9%); Đạt: 2/55 (3,6%)	*** Phẩm chất:** Tốt: 53/67 (79,1%); Đạt: 13/67 (19,4%); Cần cố gắng: 1/67 (1,5%)	TNTHCS 65/65(100%) *** Phẩm chất:** Tốt: 49/65(75,9%); Đạt: 15/65 (23,1%); Cần cố gắng: 1/65 (1,5%)
VIII	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	Học sinh có đủ điều kiện về năng lực và phẩm chất để tiếp tục học lên lớp 7, có kỹ năng sống	Học sinh có đủ điều kiện về năng lực và phẩm chất để tiếp tục học lên lớp 8, có kỹ năng sống	Học sinh có đủ điều kiện về năng lực và phẩm chất để tiếp tục học lên lớp 9, có kỹ năng sống	Học sinh có đủ điều kiện về năng lực và phẩm chất để tốt nghiệp THCS, và tiếp tục học lên lớp 10 hoặc phân luồng sau THCS,có kỹ năng sống

Sa Lông, ngày 12 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ THCS SA LÔNG

Trần Mạnh Tư

PHÒNG GD& ĐT MƯỜNG CHÀ

Biểu mẫu 10

TRƯỜNG PTDTBT- THCS SA LÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**257**	**55**	**68**	**65**	**69**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**183 (71,2%)**	36/55 (65,5%)	53/68 (77,9%)	45/65 (69,2%)	49/69 (71%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**65 (25,3%)**	16/55 (29%)	13/68 (19,1%)	18/65 (27,7%)	18/69 (26,1%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**9 (3,5%)**	3/55 (5,5%)	2/68 (3%)	2/65 (3,1%)	2/69 (2,9)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**257**	**55**	**68**	**65**	**69**
1	Giỏi (Hoàn thành tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	**15 (5,8%)**	4/55 (7,3%)	4/68 (3,1%)	3/65 (4,6%)	4/69 (5,8%)
2	Khá (Có nội dung hoàn thành tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	**95 (37%)**	18/55 (32,7%)	21/68 (30,8%)	23/68 (33,9%)	33/69 (47,8%)
3	Đạt (Hoàn thành) (tỷ lệ so với tổng số)	**139 (54,1%)**	30/55 (54,5%)	41/68 (60,3%)	38/65 (58,5%)	30/69 (43,5%)
4	Yếu (Chưa hoàn thành) (tỷ lệ so với tổng số)	**9 (3,5%)**	3/55 (5,5%)	2/68 (2,9%)	2/65 (3,0%)	2/69 (2,9%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối kỳ**	**257**	**55**	**68**	**65**	**69**
1	Lên lớp					

	(tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**15 (5,8%)**	4/55 (7,3%)	4/68 (3,1%)	3/65 (4,6%)	4/69 (5,8%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	**95 (37%)**	18/55 (32,7%)	21/68 (30,8%)	23/68 (33,9%)	33/69 (47,8%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	**7 (2,7%)**	3/55 (5,5%)	2/68 (2,9%)	2/65 (3,0%)	**0**
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	**0**	**0**	**0**
4	Chuyển trường đến/đi(tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	0
5	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	**1 (0,38)**	1	0	0	0
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**	**0**	0	0	0	0
1	Cấp tỉnh/thành phố	**0**	0	0	0	0
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	**0**	0	0	0	0
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**					
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	69/69 (100%)				69/69 (100%)
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	4/69 (5,8%)				4/69 (5,8%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	33/69 (47,8%)				33/69 (47,8%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	32/69 (46,4%)				32/69 (46,4%)

VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**127/130**	23/32	32/36	35/30	37/32
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**257**	**55**	**68**	**65**	**69**

Sa Lông, ngày 12 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H.MƯỜNG CHÀ T.ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ THCS SA LÔNG

Trần Mạnh Tư

PHÒNG GD& ĐT MƯỜNG CHÀ

Biểu mẫu 11

TRƯỜNG PTDTBT- THCS SA LÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	11	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	9	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	2	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1 / 1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	32,3	-
III	**Số điểm trường**	0	-
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	7662	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	1000	
VI	**Tổng diện tích các phòng**	572	
1	Diện tích phòng học (m^2)	352	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	132	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m^2)	0	
3	Diện tích thư viện (m^2)	88	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	0	
5	Diện tích phòng hội đồng (m^2)	44	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	**4**	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	**1**	1/2
2	Khối lớp 7	**1**	1/2
3	Khối lớp 8	**1**	1/2
4	Khối lớp 9	**1**	1/2
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	**500m^2**	-
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	20	Số học sinh/bộ

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	3	

3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	
5	Máy vi tính để bàn (Tính cả phục vụ quản lý, dạy học, học tập)	20	
6	Máy in	6	

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	**52**
XI	**Nhà ăn**	**288**

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**			
XIII	**Khu nội trú**	12 phòng (135 m^2)	170	0,8 m^2/ chỗ

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet (ADSL)**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**		x

Sa Lông ngày 12 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H.MƯỜNG CHÀ T.ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ THCS SA LÔNG

Trần Mạnh Tư

PHÒNG GD& ĐT MƯỜNG CHÀ

Biểu mẫu 12

TRƯỜNG PTDTBT- THCS SA LÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**28**		**1**	**23**	**2**	**1**	**1**	**9**	**14**		**14**	**9**	
I	**Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:**	**20**			**19**	**1**			**9**	**11**		**13**	**7**	
	Toán	3			3					3		3		
	Lý	1			1				1				1	
	Hóa	1			1				1			1		
	Sinh	1			1				1				1	
	Tin	2			2				1	1		2		
	C nghệ													
	Văn	4			4				1	3		4		
	Sử	1				1			1				1	
	Địa	1			1					1		1		
	Tiếng anh	1			1				1			1		
	Mỹ Thuật	1			1					1			1	
	Âm nhạc	1			1				1				1	
	GDCD													
	Thể dục	2			1				1	1			2	
	Tổng phụ trách đội	1			1					1		1		
II	**Cán bộ quản lý**	**3**		**1**	**2**					**3**		**1**	**2**	
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2			2	
III	**Nhân viên**	**5**			**2**	**1**	**1**	**1**						
1	Nhân viên văn thư													
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1					1							
5	Nhân viên thư viện	1				1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													

8	Nhân viên Bảo vệ	1					1						

Sa Lông, ngày 12 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN MƯỜNG CHÀ T.ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ THCS SA LÔNG

Trần Mạnh Tư